

Bản án số: **538/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
“*V/v Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hiên Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**

2. Bà **Nguyễn Thị Như Hoa**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Lê** - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Bùi Thị Minh Huyền** - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 953/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1985; CCCD số: 025185000566; Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số G ngõ C** Tập thể đồ hộp xuất khẩu, **cụm A, phường T, thành phố Hà Nội**; Hiện ở tại: **S Tòa T, phường H, thành phố Hà Nội**. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh **Lê Đông S**, sinh năm 1983; CCCD số: 001083046157; Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số G ngõ C** Tập thể đồ hộp xuất khẩu, **cụm A, phường T, thành phố Hà Nội**; Hiện ở tại: **Số E ngõ C L, phường T, thành phố Hà Nội**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nguyên đơn - Chị **Nguyễn Thị M** trình bày:*

- Về tình cảm: Chị và anh **Lê Đông S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T** ngày 30/3/2010. Sau khi kết hôn,

anh chị chung sống cùng gia đình nhà anh S ở địa chỉ số G ngõ C Tập thể đồ hộp xuất khẩu, cụm A, phường T, thành phố Hà Nội khoảng 6 năm thì anh chị mua nhà và ở riêng khoảng được 7 năm hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, anh S không có trách nhiệm với gia đình, không đóng góp gì về kinh tế. Không những thế, anh S còn có những khoản nợ mà chị hỏi ra thì được biết anh có chơi lô đề, cờ bạc, chị đã phải trả nợ giúp anh S rất nhiều lần. Trong thời gian 7 năm ở riêng, vợ chồng rất nhiều lần giận nhau và mỗi lần giận như vậy, anh chị đều ly thân, không nói chuyện, không quan tâm đến nhau. Việc như vậy kéo dài khiến cuộc sống gia đình rất mệt mỏi.

Chị và anh Lê Đông S đã sống ly thân đến nay được khoảng 2 năm, thời gian đầu vẫn sống chung nhà, mỗi người 1 tầng nhưng sau đó anh chị đã tự thỏa thuận với nhau về việc bán nhà và người trực tiếp nuôi các con chung. Tháng 10/2025 anh chị đã bán xong nhà, hiện nay mỗi người đều đã ở riêng và nuôi 1 con. Tuy nhiên sau khi hoàn tất các thủ tục theo thỏa thuận và làm đơn thuận tình ly hôn thì anh S thay đổi và không ký vào đơn, buộc chị phải đơn phương ly hôn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh S và có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội giải quyết để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

Cháu Lê Yến V, sinh ngày 05/10/2010;

Cháu Lê Đăng K, sinh ngày 07/01/2019;

Anh chị đã thỏa thuận để chị nuôi cháu K, anh S nuôi cháu V và anh chị đã thực hiện như vậy từ tháng 10/2025. Chị vẫn luôn có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung nhưng cháu lớn vì lo cho bố nên đề nghị để cháu ở với bố và chăm lo cho bố nên chị cũng đồng ý và có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Đăng K, để anh S nuôi cháu Lê Yến V. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu V đang ở cùng anh S tại nhà thuê có địa chỉ số E ngõ C L, phường T, thành phố Hà Nội. Cuối tuần, cháu K muốn sang chơi với bố và chị thì chị đưa cháu đến đầu ngõ và chị cháu ra đón. Còn khi V muốn sang chơi với mẹ và em thì cháu tự đạp xe đến.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nhà đất ở chung: Anh chị không có nhà đất chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị không vay nợ chung của ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh **Lê Đông S**. Anh **S** đều nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh **S** không đến tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án. Anh **S** đã có đơn đề nghị gửi Tòa án với nội dung trình bày như sau:

- Về tình cảm: Anh và chị **Nguyễn Thị M** có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký hôn tại **Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội**. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 do không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã sống ly thân 02 năm nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị **M** có đơn đề nghị xin ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Lê Yến V**, sinh ngày 05/10/2010 và **Lê Đăng K**, sinh ngày 07/01/2019. Anh có nguyện vọng được chăm sóc nuôi cháu **Lê Yến V**, để chị **M** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Lê Đăng K**. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **S** đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - Chị **Nguyễn Thị M** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh **Lê Đông S**. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Lê Đăng K**, để anh **S** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Lê Yến V**; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn - anh **Lê Đông S** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, điều hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục; tại phiên tòa đương sự thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị **Nguyễn Thị M** được ly hôn với anh **Lê Đông S**. Về con chung: Giao con chung là **Lê Yên V** sinh ngày 05/10/2010 cho anh **S** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu **Lê Đăng K**, sinh ngày 07/01/2019 cho chị **M** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, **A**, chị **M** có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; Cấp dưỡng nuôi con: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung và công nợ: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, của Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị M** có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh **Lê Đông S**. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh **Lê Đông S** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **số G ngõ C Tập thể đồ hộp xuất khẩu, cụm A, phường T, thành phố Hà Nội**; Hiện ở tại: **Số E ngõ C L, phường T, thành phố Hà Nội**. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội.

- Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh **Lê Đông S** và anh **S** đều nhận được nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh **S** có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị M** và anh **Lê Đông S** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội (theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2010 ngày 30/3/2010). Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh **S** và chị **M** chỉ sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị **M** cho rằng anh **S** không có trách nhiệm với gia đình, không đóng góp gì về kinh tế. Ngoài ra, anh **S** còn chơi lô đề cờ bạc

dẫn đến nợ nần khiến chị phải trả nợ cho anh S rất nhiều lần. Từ đó vợ chồng anh chị đã nhiều lần cãi nhau và dẫn đến sống ly thân, cuộc sống vô cùng căng thẳng và mệt mỏi. Trong thời gian này, anh chị không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, kéo dài làm tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần giao các văn bản tố tụng cho anh S, thông báo đến Tòa án để trình bày nguyện vọng cũng như hòa giải nhưng anh S đều không đến làm việc, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh S cũng có đơn đề nghị gửi Tòa án và trình bày quan điểm của mình là đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân giữa anh chị đã không tồn tại, anh chị đã sống ly thân cả hai đã không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị M. Do đó việc chị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Lê Đông S.

- Về con chung: Chị M và anh S có 02 con chung là Lê Yến V, sinh ngày 05/10/2010 và Lê Đăng K, sinh ngày 07/01/2019. Chị M và anh S đều có nguyện vọng để chị M là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Đăng K, anh S là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Yến V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu V và K. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Lê Đăng K cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Lê Yến V cho anh Lê Đông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh S, chị M đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do đó tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S và chị M cho đến khi anh chị có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị M, anh S cùng trình bày anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chị **M** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị **M** và anh **S** có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị **Nguyễn Thị M**. Chị **Nguyễn Thị M** được ly hôn với anh **Lê Đông S**.

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là **Lê Yên V**, sinh ngày 05/10/2010 và **Lê Đăng K**, sinh ngày 07/01/2019. Giao cháu **Lê Đăng K** cho chị **M** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu **Lê Yên V** cho anh **S** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh **Lê Đông S**, chị **Nguyễn Thị M** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **S** và chị **M** cho đến khi anh chị có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung và công nợ: Chị **M**, anh **S** cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị M** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/25E 0020940 ngày 23/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị **Nguyễn Thị M** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh **Lê Đông S** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hà Nội;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

N